

Số: **274/2024/QĐST-HNGĐ**

TP. Tuyên Quang, ngày 29 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 258/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ E, đường B, tổ dân phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ E, đường B, tổ dân phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Văn B (Trích lục kết hôn số 266/2024/TLKH-BS ngày 07/11/2024 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Văn B đều xác định có 01 con chung Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 06/7/1991. Hiện con chung của bà H, ông B đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành, tự lập nên bà H, ông B không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Văn B đều xác định tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Văn B đều xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Thu H tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000228 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thu H số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P Phan Thiết, TP Tuyên Quang (nơi đăng ký KH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Hà